**BẢNG MÔ TẢ ĐẶC TẢ**

**MA TRẬN - ĐỀ- ĐÁP ÁN-KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Toán 6 ( thời gian 90 phút)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | **Nội dung 1:**  Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | Nhận biết  - Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm (Câu 1)  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số (Câu 6)  – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. (Câu 9)  – Nhận biết được số đối của một phân số. (Câu 4)  - Nhận biết được hỗn số dương (Câu 3) | **5**  (1,25 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **12.5%** |
| **Thông hiểu:**  - So sánh được hai phân số cho trước (Câu 2) |  |  | **1**  (0,25 đ) |  |  |  |  |  | **2.5%** |
| **Nội dung 2:** Các phép tính với phân số | **Thông hiểu**  - Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số (câu 13a, 14a)  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. (Câu 12) |  |  | **1**  (0,25đ) | **2**  (1 đ) |  |  |  |  | **12,5%** |
| **Vận dụng**  - Vận dụng được các tính chất: giao hoán, kết hợp, phân phối giữa phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý (Câu 14b)  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số. (Câu 15) |  |  |  |  |  | **2**  (2 đ) |  |  | **20%** |
| **Vận dụng cao**  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số. (Câu 17) |  |  |  |  |  |  |  | **1**  (1,0đ) | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Số thập phân** | **Nội dung 1:** **Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm** | **Nhận biết**  - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của thập phân (Câu 7, Câu 8) | **2**  (0,5đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu**  - So sánh được hai số thập phân cho trước. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  - Thực hiện được các phép toán cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân (Câu 13b)  - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  |  | **1**  (1 đ) |  |  |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Các hình hình học cơ bản** | **Nội dung 1: Điểm, đường thẳng, tia** | **Nhận biết**  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. (Câu 10)  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng (Câu 16a)  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm (câu 11).  – Nhận biết được khái niệm tia (câu 16b).  – Nhận biết được khái niệm hai tia đối nhau (Câu 5) | **3**  (0,75đ) | **2**  (2đ) |  |  |  |  |  |  | **27.5%** |
| **Tổng** | | |  | 10 | 2 | 2 | 3 | 0 | 2 | 0 | 1 | 20 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **45%** | | **25%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70 %** | | | | **30%** | | | | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn Toán: Lớp 6**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0điểm)**

***Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời là đúng.***

Câu 1: Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Câu 2: Hãy chọn cách so sánh đúng ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Câu 3. Hỗn số  được viết dưới dạng phân số là ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Câu 4: Số đối của số  là:

A.  B.  C.  D. 

Câu 5: Trong hình bên:

Hai tia đối nhau là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bx và By | B. Ax và By | C. AB và Ay | D. Ay và Bx |

Câu 6: Phân số bằng phân số nào sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Câu 7: Số thập phân 3,5 có số đối là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3,5 | B. - 3,5 | C. 3,2 | D. - 3,2 |

Câu 8: Phân số  được viết dưới dạng số thập phân ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. -1,3 | B. 1,3 | C. -3,1 | D. 3,1 |

Câu 9: Kết quả rút gọn của phân số là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Câu 10: Hai đường thẳng a và b song song với nhau khi nào ?

A . có 1 điểm chung B. Có 2 điểm chung

C. Có vô số điểm chung D. Không có điểm chung

Câu 11: Cho 3 điểm A, B và C cùng thuộc một đường thẳng, điểm nằm giữa hai điểm còn lại là: C B A

. . .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. C cm | B. A cm | C. B cm | D. không có điểm nào |
| Câu 12: của 420 là bao nhiêu? | | | |
| A. 80 | B. 100 | C. 120 | D. 140 |

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13(1,5 điểm): Thực hiện các phép tính sau:

a) +  ; b) 

Câu 14(1,5 điểm) Tìm x, biết: a)  ; b) 

Câu 15(1,0 điểm). Hai tổ công nhân cùng làm một công việc. Nếu làm riêng, tổ thứ nhất mất 15 giờ, tổ thứ hai mất 18 giờ mới làm xong công việc đó. Hỏi nếu cùng làm thì trong 1 giờ cả hai tổ làm được bao nhiêu phần công việc ?

.A

.P

.

Q

. H

.M

.K

Câu 16 (2,0điểm). Vẽ lại hình sau và cho biết:

a) kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng:

b) Kể tên các tia gốc M, gốc P và gốc Q

Câu 17(1,0điểm). Cho S = 

và P = . Tính 

------------------HẾT-------------------

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I/ PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(4,0 điểm)* :** *Mỗi ý đúng được 0,5 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | | **Hướng dẫn chấm** | | | | | | | | | | | |
| **Câu** | | **1** | | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | | B | | D | C | C | A | A | B | C | B | D | C | C |

**II/ PHẦN II: TỰ LUẬN *(6,0 điểm)*:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **13** | **a** | | a)  +  = | 0,5 |
| **b** | | b)  =  = 11 +  = 11 + - 7 -  -  = 4 -  = | 0,25  0,25  0,5 |
| **14** | **a** | |  | 0,25  0,25 |
| **b** | |  | 0,5  0,5 |
| **15** | Vì nếu làm riêng, tổ thứ nhất mất 15 giờ, tổ thứ hai mất 18 giờ mới làm  xong công việc đó nên trong 1 giờ, tổ thứ nhất làm được  công việc,  tổ thứ hai làm được  công việc.  Do đó, nếu cả hai tổ cùng làm chung thì trong 1 giờ làm được số phần  công việc là:  +  = (công việc) | | | 0,5  0,5 |
| **16** | **a** | | Hình bên:    Ta có các bộ ba điểm thẳng hàng là:  A, M, P;  P, H, Q  Q  M, K, Q | 0,5  0,25  0,25  0,25 |
| **b** | | Các tia có gốc M: OA; MP; MK (hoặc MQ)  Các tia có gốc P: PM, (hoặc PA), PH (hoặc PQ)  Các tia có gốc Q: QH (hoặc QP), QK (hoặc QM) | 0,25  0,25  0,25 |
| **13** |  | | Ta có:  =  =  =  =  Khi đó: | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

**Chú ý:** *Các cách làm khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa, điểm thành phần giám khảo tự phân chia trên cơ sở tham khảo điểm thành phần của đáp án.*